Name: _____ Date: _____

wǒ de shēn tǐ

我的身体

Look at the pictures and circle the correct words

tóu 头 / liǎn 脸	bí zi 鼻子 / ěr duǒ 耳朵
jiǎo 脚 / tóu fā 头发	méi máo 眉毛 / shǒu 手
yǎn jīng 眼睛 / yá 呀	shǒu 手 / jiǎo 脚
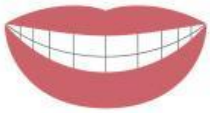 zuǐ bā 嘴巴 / tuǐ 腿	tuǐ 腿 / wěi bā 尾巴
bí zi 鼻子 / yǎn jīng 眼睛	tóu 头 / jiǎo 脚

LIVEWORKSHEETS